

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671009 - Toán cao cấp

STC : 5(75,0,0,0,0,0)

Lần thi : 1

Lớp :

Năm học : 2013-2014

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Thành	Tuân	3476040047	28/02/1990	,00	,00	,00	Nợ HP
2	Phạm Văn	Vũ	3476040054	22/10/1992	,00	,00	,00	Nợ HP
3	Đào Thị Bảo	Yến	3671010290	10/01/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
4	Trần Kỳ	Huy	3671010578	09/07/1994	,00	,00	,00	Nợ HP,
5	Nguyễn Minh	Kha	3671012037	17/08/1994	4,00	,00	1,20	
6	Thạch Thị Bảo	Trang	3771010005	01/08/1994	4,00	2,00	2,60	
7	Nguyễn Văn	Dương	3771010038	25/08/1994	,00	,00	,00	CT
8	Nguyễn Huỳnh Nhật	Huy	3771010045	27/10/1995	3,00	,00	,90	
9	Mai Thị Thu	Thảo	3771010066	14/04/1995	7,00	2,50	3,90	
10	Ngô Xuân	Phong	3771010082	14/05/1995	5,50	4,80	5,00	
11	Nguyễn Nhật	Toàn	3771010098	11/09/1995	6,00	3,00	3,90	
12	Nguyễn Văn Minh	Nhật	3771010103	24/01/1995	5,00	1,30	2,40	
13	Trương Đình	Mẫn	3771010110	14/11/1994	,00	,00	,00	CT
14	Kiều Huy	Tùng	3771010140	09/09/1995	3,00	,50	1,30	
15	Nguyễn Văn	Thịnh	3771010169	26/02/1995	,00	,00	,00	CT
16	Trần Văn	Đông	3771010193	30/12/1995	6,00	3,00	3,90	
17	Lê Thị Ngọc	Trinh	3771010228	04/07/1995	8,00	5,30	6,10	
18	Võ Văn	Sơn	3771010330	26/09/1995	4,00	5,80	5,30	
19	Lê Đức	Thành	3771010440	11/02/1995	4,00			
20	Trần Thanh	Duy	3771010460	18/05/1995	5,00	4,50	4,70	
21	Lê Thị Thùy	Tiên	3771010476	03/03/1995	3,00	1,80	2,20	
22	Nguyễn Minh	Tuấn	3771010511	28/03/1994	,00	,00	,00	CT
23	Lê Văn	Ninh	3771010528	21/08/1995	4,50			
24	Phan Hoài	Thanh	3771010544	03/12/1995	4,00	2,00	2,60	
25	Lê Hữu	Duy	3771010554	11/01/1995	,00	,00	,00	CT
26	Vũ Tấn	Thành	3771010558	26/10/1995	2,00	,80	1,20	
27	Trần Hoàng	Thành	3771010559	01/01/1995	2,00	1,50	1,70	
28	Võ Hoàng	Huy	3771010611	17/11/1994	,00	,00	,00	CT
29	Lê Công	Tùng	3771010646	20/06/1995	,00	,00	,00	CT
30	Nguyễn Thị Thu	Thùy	3771010680	08/06/1994	4,00	2,50	3,00	
31	Trần Ngọc	Thanh	3771010798	24/11/1995	3,00	2,00	2,30	
32	Nguyễn Trung	Hiếu	3771010808	06/08/1995	,00	,00	,00	CT
33	Trần Nhân	Tâm	3771010833	09/10/1992	10,00	5,00	6,50	
34	Phạm Văn	Cường	3771010836	20/02/1995	6,00	2,30	3,40	
35	Nguyễn	Sang	3771010895	25/11/1994	5,50	3,50	4,10	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Phan Đình	Phùng	3771010913	05/09/1995	,00	,00	,00	CT
37	Võ Thái	Nhật	3771010964	07/02/1995	5,00	,80	2,10	
38	Trần Thị Vân	Duyên	3771011000	02/09/1995	,00	,00	,00	CT
39	Nguyễn Thị	Hoài	3771011025	13/10/1995	3,50	2,50	2,80	
40	Hồ Thị Xuân	Hường	3771011066	29/12/1995	6,50	3,30	4,30	
41	Nguyễn Nhon	Hoài	3771011172	09/03/1995	3,50	4,50	4,20	
42	Nguyễn Nhật	Tảo	3771011194	09/10/1994	6,00	4,00	4,60	
43	Huỳnh Minh	Thắng	3771011202	10/07/1995	3,50	3,30	3,40	
44	Nguyễn Văn	Út	3771011216	26/05/1992	5,50	3,00	3,80	
45	Đỗ Văn	Phát	3771011220	27/11/1994	3,00	,50	1,30	
46	Đặng Thị Mộng	Tuyền	3771011230	12/10/1994	5,00	1,80	2,80	
47	Huỳnh Thị	Hợp	3771011268	09/02/1995	6,00	5,00	5,30	
48	Nguyễn Tuấn	Toàn	3771011280	25/12/1993	5,00	4,30	4,50	
49	Nguyễn Trần Trung	Hậu	3771011295	01/03/1994	,00	,00	,00	CT
50	Phạm Văn	Thành	3771011329	24/03/1994	2,00	1,00	1,30	
51	Lưu Nhật	Ninh	3771011341	22/10/1995	2,00	1,50	1,70	
52	Phạm Thị	An	3771011345	27/05/1995	6,00	2,50	3,60	
53	Nguyễn Vĩnh	Lộc	3771011366	26/01/1995	,00	,00	,00	CT
54	Nguyễn Quốc	Tuấn	3771011378	29/01/1995	4,00	3,80	3,90	
55	Hà Huy	Sơn	3771011391	23/01/1993	,00			
56	Trần Anh	Tuấn	3771011424	23/10/1995	5,00	5,00	5,00	
57	Mai Thị Bích	Ngọc	3771011438	10/05/1995	4,00	2,50	3,00	
58	Nguyễn Lê Tấn	Tài	3771011443	17/10/1995	,00	,00	,00	CT
59	Nguyễn Thành	Tiến	3771011451	22/09/1995	6,00	4,00	4,60	
60	Đào Văn	Trí	3771011453	12/10/1995	5,50	1,50	2,70	

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)